

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	01 – 02
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	03 – 04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	05 – 06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07 – 36

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 31/12/2025

Mẫu B 01 – DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		967.620.661.668	817.971.355.118
<i>I . Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	VI.01	88.932.391.450	9.079.421.336
1 . Tiền	111		21.182.391.450	9.079.421.336
2 . Các khoản tương đương tiền	112		67.750.000.000	-
<i>II . Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		10.400.000.000	-
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.11	10.400.000.000	-
<i>III . Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		618.257.832.704	680.314.564.457
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.02	192.368.974.341	158.543.073.419
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.03	106.119.521.515	124.841.587.245
2 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04	319.670.139.480	396.817.305.082
4 . Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.05	99.197.368	112.598.711
<i>IV . Hàng tồn kho</i>	140	VI.06	242.527.595.584	124.560.798.753
1 . Hàng tồn kho	141		242.527.595.584	124.560.798.753
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V . Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		7.502.841.930	4.016.570.572
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.07	2.269.831.764	3.986.220.211
2 . Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	VI.08	5.233.010.166	30.350.361
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.188.188.213.359	1.280.266.714.425
<i>I . Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		18.501.903.073	4.464.903.073
1 . Phải thu dài hạn khác	216	VI.04	18.501.903.073	4.464.903.073
<i>II . Tài sản cố định</i>	220		98.479.251.154	99.595.375.700
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	13.883.140.879	14.755.651.267
- Nguyên giá	222		35.093.382.566	37.250.269.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.210.241.687)	(22.494.618.104)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	84.596.110.275	84.839.724.433
- Nguyên giá	228		86.197.204.623	86.197.204.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.601.094.348)	(1.357.480.190)
<i>III . Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV . Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		-	937.100.660
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	937.100.660
<i>V . Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	VI.11	1.066.859.471.296	1.168.047.465.560
1 . Đầu tư vào công ty con	251		830.256.000.000	887.256.000.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.000.000.000	26.000.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		216.800.000.000	112.200.000.000
4 . Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.196.528.704)	(4.408.534.440)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	147.000.000.000
<i>VI . Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.347.587.836	7.221.869.432
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.07	4.347.587.836	7.221.869.432
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.155.808.875.027	2.098.238.069.543

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2025

Mẫu B 01 – DN**Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.090.454.034.781	1.012.355.101.047
I . Nợ ngắn hạn	310		960.454.034.781	813.555.101.047
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.12	47.919.886.179	31.416.434.170
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.13	3.062.519.639	4.634.203.138
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.08	4.946.930.799	10.244.766.805
4 . Phải trả người lao động	314		4.005.065.153	4.088.829.550
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.14	8.055.328.160	6.555.693.957
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.15	13.280.031.837	7.760.966.044
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.16	878.903.439.999	748.549.274.368
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		280.833.015	304.933.015
II . Nợ dài hạn	330		130.000.000.000	198.800.000.000
1 . Phải trả dài hạn khác	337	VI.15	-	8.800.000.000
2 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.16	130.000.000.000	190.000.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.065.354.840.246	1.085.882.968.496
I . Vốn chủ sở hữu	410	VI.17	1.065.354.840.246	1.085.882.968.496
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		956.538.590.000	956.538.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		956.538.590.000	956.538.590.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	19.004.385.000
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		86.659.383.446	107.187.511.696
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59.363.762.696	24.457.244.699
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.295.620.750	82.730.266.997
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.155.808.875.027	2.098.238.069.543

Người lập biểu
Đinh Thị Thuỷ Trang

Kế toán trưởng
Trương Thị Hồng Vân

Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

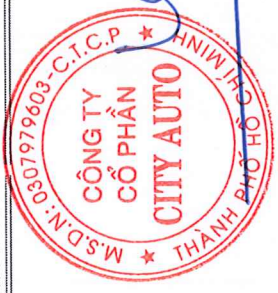
MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		812.233.529.985	1.028.850.653.944	2.705.056.890.512	3.218.256.752.489
2 . Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.859.455.293	17.114.935.008	69.370.092.467	70.135.033.115
3 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.01	793.374.074.692	1.011.735.718.936	2.635.686.798.045	3.148.121.719.374
4 . Giá vốn hàng bán	11	V.02	768.655.075.726	953.637.617.237	2.491.827.071.696	2.983.603.897.410
5 . Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.718.998.966	58.098.101.699	143.859.726.349	164.517.821.964
6 . Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	42.964.926.369	25.912.692.377	101.380.467.089	151.231.902.757
7 . Chi phí tài chính	22	V.04	16.683.069.581	24.068.269.527	79.570.696.123	79.724.901.689
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.970.369.356	19.659.735.087	77.766.867.172	75.316.222.403
8 . Chi phí bán hàng	25	V.05	24.115.555.992	36.156.213.256	93.606.674.830	117.052.059.261
9 . Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	17.955.804.140	8.607.436.076	49.334.906.617	36.495.670.585
10 . Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.929.495.622	15.178.875.217	22.727.915.868	82.477.093.186
11 . Thu nhập khác	31		3.601.640.628	4.674.004.759	11.963.748.820	12.907.563.024
12 . Chi phí khác	32		308.099.672	950.437.895	2.871.072.157	6.885.984.262
13 . Lợi nhuận khác	40	V.07	3.293.540.956	3.723.566.864	9.092.676.663	6.021.578.762
14 . Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.223.036.578	18.902.442.081	31.820.592.531	88.498.671.948

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15 . Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.524.971.781	3.780.488.416	4.524.971.781	5.768.404.951
16 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 . Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.698.064.797	15.121.953.665	27.295.620.750	82.730.266.997



[Signature]

Người lập biểu
Đinh Thị Thuỳ Trang

Kế toán trưởng
Trương Thị Hồng Vân

Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 01 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

MẪU B 03-DN**Đơn vị: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.820.592.531	88.498.671.948
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.613.569.824	3.685.556.735
- Các khoản dự phòng	03	1.787.994.264	4.408.534.440
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(103.878.988.218)	(153.758.987.953)
- Chi phí lãi vay	06	77.766.867.172	75.316.222.403
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.110.035.573	18.149.997.573
- Giảm các khoản phải thu	09	218.794.426.963	158.245.246.836
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(117.966.796.831)	117.656.560.926
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	9.014.753.554	(88.012.364.502)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.590.670.043	(499.956.278)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(77.769.319.453)	(76.187.742.597)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.768.404.951)	(404.706.772)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.100.000)	(417.645.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.981.264.898	128.529.389.746
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.275.344.555)	(6.364.332.550)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	6.276.420.406	6.585.297.715
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.400.000.000)	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(132.600.000.000)	(205.376.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	71.202.784.476	89.403.700.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87.137.428.258	54.089.794.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	15.341.288.585	(61.661.540.336)

Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Mẫu B 03-DN**Đơn vị: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu từ đi vay	33	2.747.464.869.561	2.874.423.917.440
- Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.677.110.703.930)	(2.960.211.187.140)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(47.823.749.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	22.530.416.631	(85.787.269.700)
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	 50	 79.852.970.114	 (18.919.420.290)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.079.421.336	27.998.841.626
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	88.932.391.450	9.079.421.336

**Người lập biểu**
Đinh Thị Thuỳ Trang**Kế toán trưởng**
Trương Thị Hồng Vân**Phó Tổng Giám đốc**
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 01 năm 2026*Các thuyết minh kèm theo từ trang 07 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307979603 ngày 09 tháng 03 năm 2009, thay đổi lần 19 ngày 23 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 956.538.590.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại – dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại Số 218, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các chi nhánh hoạt động như sau:

- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, Phường Bà Rịa, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, Phường Bình Lợi Trung, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, Phường Tam Thắng, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam; Mã số chi nhánh: 0307979603-005;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 06 Công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà.	Thương mại – Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	682A Trường Chinh, Phường Tân Bình, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Phường Tuy Hoà, Tỉnh Đắk Lắk.	Thương mại – Dịch vụ	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Lô DVTM-08 Đường Số 7, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Tp. HCM.	Thương mại – Dịch vụ	99,00%	99,00%

Số lượng nhân viên của Công ty tại 31/12/2025: 301 người (Tại 31/12/2024: 226 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán của Công ty: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hoá là các loại xe ô tô, giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm vi tính

Phần mềm vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 – 05 năm.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: phân bổ trong vòng 12 tháng;
- Chi phí trả trước dài hạn: phân bổ trên 12 tháng.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.
- Các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được phân loại là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng quản trị của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa cũng như quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính của doanh nghiệp, chẳng hạn như:

- Lãi từ các khoản tiền gửi, cho vay
- Chênh lệch tỷ giá
- Lãi từ đầu tư vào công cụ tài chính
- Cổ tức từ các khoản đầu tư
- Lãi từ việc đầu tư vào chứng khoán hoặc tài sản tài chính khác.
- Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính mà doanh nghiệp thực hiện.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí mà doanh nghiệp phải trả liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí doanh nghiệp phải trả cho các khoản vay, bao gồm lãi vay ngân hàng, lãi vay từ các tổ chức tín dụng hoặc các khoản vay từ bên ngoài khác.
- Chênh lệch tỷ giá
- Chi phí bảo hiểm liên quan đến tài sản, công cụ tài chính mà doanh nghiệp đang sử dụng.
- Chi phí phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc các công cụ tài chính khác.
- Chi phí khác liên quan đến tài chính.

Chi phí tài chính phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, tức là khi có sự cam kết hoặc khi doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ tài chính. Các chi phí tài chính phải được ghi nhận dồn tích vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Xác định giá trị hợp lý khi lập Báo cáo tài chính

Công ty không thực hiện xác giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính và các văn bản hiện hành chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và các công cụ nợ tài chính.

Thuế

Công ty hạch toán và kê khai phát sinh về thuế theo chứng từ, hoá đơn phát sinh trong kỳ;

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của kỳ hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp đối với từng loại thuế của Công ty được áp dụng theo luật thuế đối với từng loại thuế và Luật quản lý thuế, số thuế phải nộp cuối cùng sẽ được Cơ Quan thuế quyết định khi kiểm tra quyết toán thuế tại Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	1.578.668.404	240.260.676
VND	1.578.668.404	240.260.676
Tiền gửi ngân hàng	19.603.723.046	8.839.160.660
VND	19.603.723.046	8.839.160.660
Các khoản tương đương tiền	67.750.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	67.750.000.000	-
Cộng	88.932.391.450	9.079.421.336

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	192.368.974.341	158.543.073.419
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	46.558.045.686	11.007.048.336
Công ty TNHH New City Rental	19.279.613.890	4.251.215.150
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	126.531.314.765	143.284.809.933
Cộng	192.368.974.341	158.543.073.419

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	106.119.521.515	124.841.587.245
Công ty TNHH Minh Long	105.316.735.795	123.594.379.437
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	802.785.720	1.247.207.808
Cộng	106.119.521.515	124.841.587.245

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	319.670.139.480	-	396.817.305.082	-
Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	19.193.909.997	-	21.214.406.153	-
Phải thu từ hợp đồng HTKD cho Công ty CP Easy Car	-	-	14.204.590.000	-
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Dason	58.800.000.000	-	3.696.300.000	-
Công ty Cổ phần Daf Group	147.000.000.000	-	-	-
Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long	-	-	137.160.000.000	-
Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng	12.080.317.296	-	76.671.721.000	-
Ký cược, ký quỹ khác	420.000.000	-	420.000.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	-	-	4.319.850.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	82.175.912.187	-	139.130.437.929	-
Phải thu khác dài hạn	18.501.903.073	-	4.464.903.073	-
Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long	15.120.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ khác	3.381.903.073	-	4.464.903.073	-
Cộng	338.172.042.553	-	401.282.208.155	-

Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
		VND		VND
Tài sản thiếu chờ xử lý				
Hàng tồn kho tại kho HCM	-	99.197.368	-	98.612.814
Hàng tồn kho tại kho Vũng Tàu	-	-	-	13.985.897
Cộng		99.197.368		112.598.711

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng tồn kho				
Công cụ, dụng cụ	704.239.441	-	60.430.129	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.121.793.283	-	5.094.178.576	-
Hàng hoá	236.701.562.860	-	119.406.190.048	-
Cộng	242.527.595.584	-	124.560.798.753	-

Chi tiết hàng hoá tồn kho:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Xe các loại	202.518.222.715		84.663.204.538	
Phụ tùng, phụ kiện	34.183.340.145		34.742.985.510	
Cộng	236.701.562.860	-	119.406.190.048	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.269.831.764	3.986.220.211
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	626.651.217	54.126.111
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.643.180.547	3.932.094.100
Chi phí trả trước dài hạn	4.347.587.836	7.221.869.432
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.316.028.699	1.409.641.414
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.031.559.137	5.812.228.018
Cộng	6.617.419.600	11.208.089.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU / PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Trong năm				31/12/2025	
	01/01/2025					
	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước	Số phải nộp	Số đã nộp/ khấu trừ	Phải thu Nhà nước	Phải nộp Nhà nước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước						
Thuế GTGT	30.350.361	4.049.185.145	264.578.897.327	273.683.339.240	5.233.010.166	147.403.037
Thuế GTGT hàng NK	-	-	56.936.321	56.936.321	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	48.264.771	48.264.771	-	-
Thuế TNDN	-	5.768.404.951	4.524.971.781	5.768.404.951	-	4.524.971.781
Thuế TNCN	-	427.176.709	3.911.688.141	4.064.308.869	-	274.555.981
Lệ phí môn bài	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-
Cộng	30.350.361	10.244.766.805	273.130.758.341	283.631.254.152	5.233.010.166	4.946.930.799

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	8.539.688.456	9.997.119.686	17.749.286.436	964.174.793	37.250.269.371
Tăng trong năm	172.222.226	661.811.243	5.153.958.182	287.352.904	6.275.344.555
Mua trong năm	172.222.226	661.811.243	5.153.958.182	287.352.904	6.275.344.555
Giảm trong năm	172.222.226	182.611.861	8.077.397.273	-	8.432.231.360
Thanh lý, nhượng bán	172.222.226	182.611.861	8.077.397.273	-	8.432.231.360
Tại ngày 31/12/2025	8.539.688.456	10.476.319.068	14.825.947.345	1.251.527.697	35.093.382.566
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	8.539.688.456	7.479.978.660	5.605.956.524	868.994.464	22.494.618.104
Tăng trong năm	3.968.254	775.624.040	2.625.672.474	96.832.942	3.502.097.710
Khấu hao trong năm	3.968.254	643.481.996	2.625.672.474	96.832.942	3.369.955.666
Tăng khác	-	132.142.044	-	-	132.142.044
Giảm trong năm	3.968.254	4.908.920	4.690.664.910	86.932.043	4.786.474.127
Thanh lý, nhượng bán	3.968.254	4.908.920	4.645.454.909	-	4.654.332.083
Giảm khác	-	-	45.210.001	86.932.043	132.142.044
Tại ngày 31/12/2025	8.539.688.456	8.250.693.780	3.540.964.088	878.895.363	21.210.241.687
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	-	2.517.141.026	12.143.329.912	95.180.329	14.755.651.267
Tại ngày 31/12/2025	-	2.225.625.288	11.284.883.257	372.632.334	13.883.140.879

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.559.709.887 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	2.174.730.000	86.197.204.623
Tại ngày 31/12/2025	84.022.474.623	2.174.730.000	86.197.204.623
GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	-	1.357.480.190	1.357.480.190
Khấu hao trong năm	-	243.614.158	243.614.158
Tại ngày 31/12/2025	-	1.601.094.348	1.601.094.348
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	84.022.474.623	817.249.810	84.839.724.433
Tại ngày 31/12/2025	84.022.474.623	573.635.652	84.596.110.275

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 792.650.000 VND.

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	10.400.000.000	10.400.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm	10.400.000.000	10.400.000.000	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	-	147.000.000.000	147.000.000.000
Công ty Cổ phần Daf Group	-	-	147.000.000.000	147.000.000.000
Cộng	-	-	147.000.000.000	147.000.000.000

(*) Khoản đầu tư theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/07/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng. Ngày 01/10/2025, Công ty đã thanh lý hợp đồng theo biên bản thanh lý số 2007/2025-HĐUTĐT/CTF-DAF.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (1)	830.256.000.000	(6.196.528.704)		887.256.000.000	(4.143.549.102)	
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (2)	327.680.000.000	(453.794.898)		327.680.000.000	-	
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (3)	90.400.000.000	-		90.400.000.000	-	
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (4)	144.000.000.000	-		144.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu (5)	108.000.000.000	-		108.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên (6)	-	-		57.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận (7)	39.000.000.000	(5.742.733.806)		39.000.000.000	(4.143.549.102)	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	121.176.000.000	-		121.176.000.000	-	
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	26.000.000.000	-		26.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	216.800.000.000	-		112.200.000.000	(264.985.338)	
Công ty Cổ phần Dasonmotors	84.200.000.000	-		112.200.000.000	(264.985.338)	
Công ty Cổ phần Golf Biên Hòa	78.600.000.000	-		-	-	
Công ty TNHH Minh Long	54.000.000.000	-		-	-	
Cộng	1.073.056.000.000	(6.196.528.704)		1.025.456.000.000	(4.408.534.440)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẤU B 09 – DN

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty:

Đầu tư vào công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	Phường Tân Bình, Tp. HCM	Đại lý ô tô	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	Đại lý ô tô	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Phường Cát Lái, Tp. HCM	Đại lý ô tô	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Phường Tuy Hoà, Tỉnh Đắk Lắk	Đại lý ô tô	70,20%	99,00%
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	99,00%	99,00%
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Phường Dĩ An, Tp. HCM	Đại lý ô tô	20,00%	20,00%
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dasonmotors	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	8,25%	8,25%
Công ty Cổ phần Golf biển Cửa Lò	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	5,09%	5,09%
Công ty TNHH Minh Long	Phường Tân Thuận, Tp. HCM	Đại lý ô tô	18,00%	18,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09 – DN

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313964193 ngày 26/07/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 327.680.000.000 đồng, tương đương 96,52% vốn điều lệ.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201649218 ngày 06/11/2024, Công ty Cổ phần City Auto đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Nhà Trang là 90,4 tỷ đồng, tương đương 52,00% vốn điều lệ.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311016926 ngày 17/01/2024, Công ty Cổ phần City Auto đầu tư vào Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ là 144 tỷ đồng, tương đương 96,00% vốn điều lệ.
- (4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316681972 ngày 07/07/2021, Công ty Cổ phần City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận là 108 tỷ đồng, tương đương 90,00% vốn điều lệ.
- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502405823 ngày 19/09/2019, Công ty Cổ phần City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng, tương đương 95,00% vốn điều lệ. Ngày 01/10/2025, Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu đã hoàn tất việc giải thể chấm dứt hoạt động kinh doanh.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401098455 ngày 30/05/2022, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên từ cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 39.000.000.000 đồng, tương đương 39,00% vốn điều lệ. Trong đó:
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 70,20%, trong đó tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 39,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nhà Trang) là 31,20%.
 - Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 99,00%, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 39,00%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp (thông qua Công ty Cổ phần Ô tô Nhà Trang) là 60,00%.
- (7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317906770 ngày 06/11/2024, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 11.880.000 cổ phần của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 121.176.000.000 đồng, tương đương 99,00% vốn điều lệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	47.919.886.179	47.919.886.179	31.416.434.170	31.416.434.170
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	19.246.120.955	19.246.120.955	347.250.790	347.250.790
Công ty TNHH Ford Việt Nam	7.978.638.239	7.978.638.239	1.231.473.014	1.231.473.014
Đối tượng khác	20.695.126.985	20.695.126.985	29.837.710.366	29.837.710.366
Cộng	47.919.886.179	47.919.886.179	31.416.434.170	31.416.434.170

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.062.519.639	4.634.203.138
Người mua khác trả tiền trước ngắn hạn	3.062.519.639	4.634.203.138
Cộng	3.062.519.639	4.634.203.138

Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	8.055.328.160	6.555.693.957
Chi phí đào tạo phải trả cho Công ty Ford Việt Nam	1.742.682.659	1.098.090.869
Chi phí lãi vay	-	2.452.281
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.312.645.501	5.455.150.807
Cộng	8.055.328.160	6.555.693.957

Trong đó, chi phí phải trả là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả khác ngắn hạn	13.280.031.837	7.760.966.044
Tài sản thừa chờ giải quyết	624.244.338	620.439.676
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	5.734.075.939	31.080.939
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	1.738.111.493	3.528.349.500
Công ty Cổ phần Daf Group	1.653.783.424	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.529.816.643	3.581.095.929
Phải trả khác dài hạn	-	8.800.000.000
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	-	8.800.000.000
Cộng	13.280.031.837	16.560.966.044

Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

16. VAY

Chi tiết các khoản vay:

	01/01/2025	Trong năm		31/12/2025
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	748.549.274.368	2.747.464.869.561	2.617.110.703.930	878.903.439.999
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	(16.01) 120.884.084.000	424.293.609.000	405.916.448.000	139.261.245.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	10.671.749.000	115.188.919.000	125.860.668.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	(16.02) 155.397.190.000	425.287.708.000	507.994.650.000	72.690.248.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	(16.03) 44.307.616.000	123.649.490.000	111.222.496.000	56.734.610.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM	(16.04) -	14.133.064.000	12.174.192.000	1.958.872.000
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển	(16.05) 43.405.539.867	239.759.832.561	232.801.863.429	50.363.508.999
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	16.651.671.501	46.448.743.000	63.100.414.501	-
Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH	(16.06) 130.000.000.000	238.917.756.000	316.917.756.000	52.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	(16.07) -	55.864.992.000	42.830.960.000	13.034.032.000
Ngân hàng First Commercial Bank	(16.08) 115.000.000.000	200.000.000.000	215.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	(16.09) 52.231.424.000	698.920.756.000	473.291.256.000	277.860.924.000
Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.	(16.10) -	165.000.000.000	110.000.000.000	55.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Vay dài hạn	190.000.000.000	-	60.000.000.000	130.000.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	(16.11) 250.000.000.000	-	60.000.000.000	190.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	(60.000.000.000)	-	-	(60.000.000.000)
Cộng	938.549.274.368	2.747.464.869.561	2.677.110.703.930	1.008.903.439.999

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

MẪU B 09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(16.01) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam:

(16.02) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam:

(16.03) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

(16.04) Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM:

(16.05) Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0022/HỆTDHMD-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025, Hợp đồng hạn mức thấu chi số 441/2025/0023/HỆHTMC-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025 và Phụ lục số 441/2025/0022.01/PLHDTDHMD-DN/PGBankSG ngày 15/09/2025 với tổng hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh, tài trợ vốn để thanh toán mua xe trực tiếp từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VAY (Tiếp theo)

- Thẻ chấp xe ô tô Demo thuộc sở hữu của khách hàng;
- Thẻ chấp xe ô tô được phân phối từ Công ty TNHH Ford Việt Nam và hình thành từ vốn vay do PGBank tài trợ.
- Các loại tài sản đảm bảo khác đủ điều kiện bảo đảm theo quy định của PGBank trong từng thời kỳ;

(16.06) Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại Chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/05/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(16.07) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 27/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 04/11/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; Thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng; Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Tài sản đảm bảo: Xe Ford hình thành từ vốn vay hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% và các biện pháp khác theo thỏa thuận với SeABank.

(16.08) Ngân hàng First Commercial Bank:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30240280 ngày 16/04/2025 với hạn mức vay là 100 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động.
- Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.
- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VAY (Tiếp theo)

(16.09) Ngân hàng TMCP Á Châu:

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.6700. 230625 ngày 05/07/2025 với tổng hạn mức tín dụng là 355 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ tối đa không quá 05 tháng kể từ ngày kết tiếp của ngày giải ngân, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford; Phát hành các loại bảo lãnh trong nước: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.6738.230625 ngày 05/07/2025 với tổng hạn mức là 06 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; lãi suất cho vay 7,5%/năm được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay, thấu chi này bao gồm:

- Toàn bộ số dư bao gồm số vốn gốc và lãi phát sinh của thẻ tiết kiệm/ hợp đồng tiền gửi/ tài khoản tiền gửi do ACB phát hành/ mở tài khoản;
- Toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi và toàn bộ lô hàng xe đang thế chấp tại ACB theo các hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp/ phụ lục hợp đồng thế chấp mà Công ty đã ký với ACB;

(16.10) Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. theo thỏa thuận tín dụng số 6700114110016 ngày 13/03/2025 với hạn mức tín dụng là 55 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 01 năm; thời hạn của mỗi khoản vay là 120 ngày và được phép vượt quá ngày đáo hạn của hạn mức tín dụng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu. Biện pháp đảm bảo: tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd. và hợp đồng bảo lãnh liên đới số 6700114110016-G ngày 13/03/2025 giữa ông Trần Ngọc Dân, Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô và Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd.

(16.11) Ngân hàng TMCP Tiên Phong:

Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HĐTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/07/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HĐBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	893.964.630.000	19.004.385.000	3.152.481.800	87.031.204.699	1.003.152.701.499
Lãi trong năm	62.573.960.000	-	-	82.730.266.997	145.304.226.997
Giảm khác	-	-	-	(62.573.960.000)	(62.573.960.000)
Tại ngày 31/12/2024	956.538.590.000	19.004.385.000	3.152.481.800	107.187.511.696	1.085.882.968.496
Tại ngày 01/01/2025	956.538.590.000	19.004.385.000	3.152.481.800	107.187.511.696	1.085.882.968.496
Lãi trong năm	-	-	-	27.295.620.750	27.295.620.750
Chi trả cổ tức	-	-	-	(47.823.749.000)	(47.823.749.000)
Tại ngày 31/12/2025	956.538.590.000	19.004.385.000	3.152.481.800	86.659.383.446	1.065.354.840.246

Cổ phiếu:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	95.653.859	95.653.859
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	95.653.859	95.653.859
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	95.653.859
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.653.859	95.653.859
Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	95.653.859
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND/cổ phiếu	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Mẫu B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. TÀI SẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2025	01/01/2025	Nguyên nhân xoá sổ
	VND	VND	
Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813	Không thu hồi được
Cộng	5.356.110.813	5.356.110.813	

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá	770.544.462.497	981.837.846.027
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.037.995.884	47.012.807.917
Doanh thu khác	6.651.071.604	-
Cộng	812.233.529.985	1.028.850.653.944
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	771.298.724	16.363.636
Hàng bán bị trả lại	18.088.156.569	17.098.571.372
Cộng	18.859.455.293	17.114.935.008
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	793.374.074.692	1.011.735.718.936

Trong đó, doanh thu từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ:

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán xe	741.318.644.627	956.900.877.205
Doanh thu bán phụ tùng	10.370.992.207	7.822.033.814
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.033.366.254	44.861.406.854
Doanh thu khác	6.651.071.604	2.151.401.063
Cộng	793.374.074.692	1.011.735.718.936

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hoá đã bán - Xe	735.194.001.896	921.280.435.163
Giá vốn hàng hoá đã bán - Phụ tùng	2.208.443.614	5.232.796.371
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	31.252.630.216	27.124.385.703
Cộng	768.655.075.726	953.637.617.237

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	24.541.402	373.633.926
Lãi từ các khoản ký quỹ	12.140.384.967	25.539.058.451
Lãi bán các khoản đầu tư	30.800.000.000	-
Cộng	42.964.926.369	25.912.692.377

Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Lãi vay	19.970.369.356	19.659.735.087
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.805.524	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.289.105.299)	4.408.534.440
Cộng	16.683.069.581	24.068.269.527

Trong đó, chi phí tài chính từ các bên liên quan: chi tiết tại Thuyết minh số VI.01

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.611.137.295	10.313.669.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	727.496.411	791.259.630
Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	10.995.364.894	21.864.576.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.831.963.754	2.605.869.489
Chi phí bằng tiền khác	949.593.638	580.838.906
Cộng	24.115.555.992	36.156.213.256

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.527.490.793	3.704.991.027
Chi phí vật liệu quản lý	565.122.289	346.189.592
Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.931.296	114.290.442
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.924.453.997	4.053.726.557
Chi phí bằng tiền khác	709.805.765	388.238.458
Cộng	17.955.804.140	8.607.436.076

7. LỢI NHUẬN KHÁC

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác		
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.034.806.319	432.764.628
Hỗ trợ từ Ford Việt Nam	671.000.000	1.284.727.000
Thu nhập khác	1.895.834.309	2.956.513.131
Cộng	3.601.640.628	4.674.004.759
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	44.558.037	-
Chi phí khác	263.541.635	950.437.895
Cộng	308.099.672	950.437.895
Lợi nhuận từ hoạt động khác	3.293.540.956	3.723.566.864

8. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
	VND	VND
Chi phí theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	769.220.198.015	953.637.617.237
Chi phí nhân công	13.138.628.088	14.018.660.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	956.427.707	905.550.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.756.417.751	6.659.596.046
Chi phí bằng tiền khác	12.654.764.297	23.179.843.080
Cộng	810.726.435.858	998.401.266.569

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **MẪU B 09 – DN**
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Quang Trí	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Long	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 20/05/2025)
Ông Trần Lâm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2025)/ Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Trần Thị Ên	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Phú	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 28/10/2025)
Bà Lê Thị Thương Thương	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 28/10/2025 - Miễn nhiệm ngày 11/11/2025)
Bà Trương Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 11/11/2025)
Bên liên quan là các pháp nhân	
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	Chung thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ với các bên liên quan:

	Phát sinh trong kỳ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.584.293.673	
Mua hàng, nhận dịch vụ	12.308.472.590	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		2.203.200
Phải trả người bán ngắn hạn		(1.400.167.564)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả) VNĐ
Công ty Cổ phần Auto Bình Phước		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.394.481.543	
Mua hàng, nhận dịch vụ	3.225.700.000	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		9.222.433
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(5.734.075.939)
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	5.516.432.266	
Mua hàng, nhận dịch vụ	31.682.549.090	
Cổ tức được chia	2.333.760.000	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		665.209.695
Phải thu khác ngắn hạn		662.355.214
Phải trả người bán ngắn hạn		(1.324.699.699)
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên		
Phải thu khách hàng ngắn hạn		150.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	135.954.421.516	
Mua hàng, nhận dịch vụ	193.461.653.966	
Lãi cho vay	199.999.997	
Cổ tức được chia	4.212.280.880	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		42.666.638
Phải thu khác ngắn hạn		7.725.971.882
Phải trả người bán ngắn hạn		(19.246.120.955)
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	111.294.738.551	
Mua hàng, nhận dịch vụ	5.793.995.062	
Cổ tức được chia	6.409.074.060	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		336.248.422
Phải thu khác ngắn hạn		3.736.423.560
Phải trả người bán ngắn hạn		(2.593.542.758)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(1.738.111.493)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU B 09 – DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	Phát sinh trong kỳ VNĐ	Số dư cuối kỳ Phải thu / (Phải trả) VNĐ
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu		
Rút vốn	56.998.194.476	
Công ty Cổ phần Auto Dĩ An - Bình Dương		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	148.354.225.641	
Mua hàng, nhận dịch vụ	97.040.770.651	
Lãi cho vay	228.296.716	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		3.799.828.539
Trả trước cho người bán ngắn hạn		58.355.280
Phải thu khác ngắn hạn		8.555.427.402
Phải trả người bán ngắn hạn		(891.304.670)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô		
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	189.215.769.925	
Mua hàng, nhận dịch vụ	167.984.495.778	
Lãi cho vay	813.129.984	
Phải thu khách hàng ngắn hạn		46.558.045.686
Trả trước cho người bán ngắn hạn		600.000.000
Phải thu khác ngắn hạn		1.413.129.983
Phải trả người bán ngắn hạn		(2.449.952.156)
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		(19.832.600)
Chi phí phải trả ngắn hạn		(182.834.380)
Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát		
Ông Trần Ngọc Dân	240.000.000	
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	23.225.806	
Ông Trần Quang Trí	768.550.000	
Ông Phan Hoàng Sơn	60.000.000	
Ông Trần Long	35.000.000	
Ông Trần Lâm	271.935.000	
Bà Hoàng Thị Thanh Hải	36.000.000	
Bà Đỗ Thị Như Duyên	36.000.000	
Bà Trần Thị Ân	36.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Số 218 Quốc Lộ 13, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

3. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không có bất kỳ các Quyết định của các Cơ quan quản lý nào buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



Người lập biểu
Đinh Thị Thủy Trang



Kế toán trưởng
Trương Thị Hồng Vân



Phó Tổng Giám đốc
Trần Quang Trí
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

